Tuần 15:13/12-17/12/21
Tiết 57-60

Tiết 57 : ÔN TẬP VĂN BẢN BIỂU CẢM

I. Hệ thống hoá kiến thức

1. Đặc điểm của văn biểu cảm

- Văn biểu cảm là kiểu văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh và khêu gợi lòng đồng cảm nơi người đọc
- Tình cảm trong văn biểu cảm thường là những tình cảm đẹp, thấm nhuần tư tưởng nhân văn(như yêu con người, yêu thiên nhiên, yêu Tổ quốc, ghét những thói tầm thường độc ác…).
- Mỗi bài văn biểu cảm tập trung biểu đạt một tình cảm chủ yếu.
- Có 2 cách biểu cảm: trực tiếp và gián tiếp.
- Bố cục của bài văn biểu cảm: 3 phần:MB,TB,KB.

2. Cách lập ý cho bài văn biểu cảm

- Liên hệ hiện tại với tương lai
- Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại
- Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn, mong ước
- Quan sát, suy ngẫm

3. Các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm trong bài văn biểu cảm

Tự sự, miêu tả nhằm khêu gợi cảm xúc, do cảm xúc chi phối chứ không nhằm mục đích kể chuyện, miêu tả đầy đủ sự việc, phong cảnh.

II. Luyện tập

Đọc, trả lời các câu hỏi/168.

Phân biệt văn biểu cảm và văn tự sự, văn miêu tả

Câu 1/168

- Văn miêu tả: tái hiện đối tượng(người, vật, cảnh vật)
- Bài văn biểu cảm miêu tả đối tượng nhằm mượn những đặc điểm, phẩm chất của nó nói lên suy nghĩ, cảm xúc của mình.

Câu 2/168

- Văn tự sự: kể lại một sự việc, một câu chuyện có đầu cuối, nguyên nhân, diễn biến, kết quả.
- Bài văn biểu cảm có yếu tố tự sự chỉ để làm nền nói lên cảm xúc (qua tự sự người viết bộc lộ cảm xúc).

Câu 3/168

-Tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm đóng vai trò làm điểm tựa cho người viết bộc lộ tình cảm, cảm xúc.
-Nếu không có tự sự, miêu tả, tình cảm người viết sẽ mơ hồ không cụ thể bởi lẽ tình cảm, cảm xúc của con người luôn nảy sinh từ sự việc, cảnh vật cụ thể.

Câu 4/168

Đề: Cảm nghĩ mùa xuân:

Có 4 bước:
1.Tìm hiểu đề

2.Tìm ý và lập dàn ý
3.Diễn đạt thành văn
4. Đọc lại và sửa chữa

Dàn ý:

a. Mở bài: Một năm có bốn mùa, mỗi mùa có một đặc điểm riêng nhưng em yêu nhất là mùa xuân vì đó là sự khởi đầu cho một năm mới. Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc,...

b. Thân bài:

* Biểu cảm về mùa xuân:

+ Cảm nghĩ của em với vẻ đẹp, sức sống của thiên nhiên mùa xuân.

- Không khí ấm áp, cây cối đâm chồi nảy lộc
- Trăm hoa đua nở, khoe sắc, chim én chao liệng
- Nắng xuân hây hẩy, nồng nàn.

+ Có thể hồi tưởng về một kỉ niệm đẹp của bản thân trong mùa xuân.

- Hoạt động của con người.
- Đón tết Nguyên Đán, lễ hội mùa xuân.
- Kỉ niệm với mùa xuân: sum vầy bên gia đình,...

+ Cảm nghĩ của em đối với không khí và cuộc sống của con người trong mùa xuân.

c. Kết bài: Nêu cảm xúc của bản thân về mùa xuân

Câu 5/168

- Các phép tu từ (so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ…)thường được sử dụng trong bài văn biểu cảm có tác dụng làm nổi bật tình cảm, cảm xúc -> vì vậy ngôn ngữ văn biểu cảm rất gần với ngôn ngữ thơ.

****

Tiết 58,59

Văn bản: **ÔN TẬP TÁC PHẨM TRỮ TÌNH**

I.Củng cố kiến thức:

Các kiến thức cơ bản về tác phẩm trữ tình

Câu 1/180:

Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh(Tĩnh dạ tứ)- Lí Bạch
Phò giá về kinh(Tụng giá hoàn kinh sư) – Trần Quang Khải
Tiếng gà trưa – Xuân Quỳnh
Cảnh khuya – Hồ Chí Minh
Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê(Hồi hương ngẫu thư)- Hạ Tri Chương
Bạn đến chơi nhà- Nguyễn Khuyến
Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra(Thiên Trường văn vọng) – Trần Nhân Tông
Bài ca nhà tranh bị gió thu phá- Đỗ Phủ

Câu 2 /180

Tác phẩm	Nội dung tư tưởng, tình cảm được biểu hiện
Bài ca nhà tranh bị gió thu phá	Tinh thần nhân đạo và lòng vị tha cao cả
Qua Đèo Ngang	Nỗi nhớ thương quá khứ đi đôi với nỗi buồn đơn lẻ thầm lặng giữa núi đèo hoang sơ
Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê	Tình cảm quê hương chân thành pha chút xót xa lúc mới trở về quê
Sông núi nước Nam	Ý thức độc lập tự chủ và quyết tâm tiêu diệt địch
Tiếng gà trưa	Tình cảm gia đình, quê hương qua những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ
Bài ca Côn Sơn	Nhân cách thanh cao và sự giao hòa tuyệt đối với thiên nhiên
Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh	Tình cảm quê hương sâu lắng trong khoảnh khắc đêm vắng
Cảnh khuya	Tình yêu thiên nhiên, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung

Câu 3 / 181

Tác phẩm	Thể thơ
Sau phút chia li	Song thất lục bát
Qua Đèo Ngang	Thất ngôn bát cú đường luật
Bài ca Côn Sơn	Lục bát
Tiếng gà trưa	Các thể thơ khác các loại trên (5 chữ)
Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh	Tuyệt cú đường luật (Ngũ ngôn tứ tuyệt)
Sông núi nước Nam	Tuyệt cú đường luật (thất ngôn tứ tuyệt đường luật)

Câu 4 /181

Những ý kiến không đúng:

a, Đã là thơ thì nhất thiết chỉ được dùng phương thức biểu cảm

e, Thơ trữ tình chỉ được dùng lối nói trực tiếp để biểu hiện tình cảm, cảm xúc

i, Thơ trữ tình phải có một cốt truyện hay và một hệ thống nhân vật đa dạng
k, Thơ trữ tình phải có một hệ thống lập luận chặt chẽ

Câu 5/182

a, Khác với tác phẩm của các cá nhân, ca dao trữ tình là những bài thơ, câu thơ có tính chất **tập thể** và **truyền miệng**

b, Thể thơ được ca dao trữ tình sử dụng nhiều nhất là **lục bát**

c, Một số thủ pháp thường gặp trong ca dao trữ tình: **so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, tiểu đối, nói giảm, câu hỏi tu từ ...**

*** Ghi nhớ SGK /182**

II. Luyện tập

Câu 1 /192

- Nội dung: Hai câu thơ có nội dung trữ tình giống nhau, đó là niềm ưu tư canh cánh của nhà thơ và tấm lòng lo dân lo nước.
- Hình thức:
  + Giống nhau về thể thơ, phương thức biểu hiện: kể, tả.
  + Khác: hình ảnh biểu hiện một bên là hình ảnh so sánh với nước triều dâng cuồn cuộn và một bên là hình ảnh con người thao thức thức trằn trọc trong đêm lạnh.

Câu 2 /192

So sánh tình huống thể hiện tình yêu quê hương và cách thể hiện tình cảm đó qua hai bài thơ "Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh" và "Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê":

Cả hai bài thơ đều thể hiện tình quê hương sâu đậm nhưng hoàn cảnh và tâm trạng khác nhau:

- **Tĩnh dạ tứ:**
  + Hoàn cảnh: Người ở xa quê vọng nhớ về quê trong một đêm trăng.
  + Cách thể hiện: Dùng ánh trăng để thể hiện tình cảm nhớ quê thao thức nhìn văn và nhìn trăng càng khiến tác giả nhớ quê. Giọng điệu trữ tình và sâu lắng.
- **Hồi hương ngẫu thư:**
  + Hoàn cảnh: Bị coi là khác ngay nơi chôn rau cắt rốn, sau khi gần cả đời người cách xa mới trở về.
  + Cách thể hiện: Miêu tả cái đổi và cái không đổi để thể hiện tấm lòng tha thiết với quê hương. Giọng điệu vừa hóm hỉnh vừa ngậm ngùi.

Câu 3 /193

So sánh bài "Đêm đỗ thuyền ở Phong Kiều" với bài "Rằm tháng giêng" về hai vấn đề: cảnh vật được miêu tả và tình cảm được thể hiện

Tác	Cảnh vật được miêu tả	Tình cảm được thể hiện

phẩm		
	Giống nhau: Đều có những nét tương đồng về cảnh: đêm trăng, sông nước, con thuyền.	**Giống nhau:** Sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên.
Đêm đỗ thuyền ở Phong Kiều	**Khác nhau:** Trăng tàn xế bóng, sương sa đầy trời, tiếng quạ kêu, tiếng chuông chùa từ xa vọng lại càng làm tăng vẻ tĩnh mịch và buồn vắng hiu hắt của cảnh, con thuyền nằm im bên lùm cây.	**Khác nhau:** Con người năm ngủ, vương vấn nỗi buồn xa lánh bụi trần tìm về nơi tĩnh lặng => Nỗi buồn cô đơn.
Rằm tháng giêng	Trăng tròn sáng vằng vặc, cảnh vật bao la bát ngát tràn ngập ánh trăng, tràn đầy sức sống dào dạt. Con thuyền vận động từ chỗ "thâm xứ" đến nơi bát ngát đầy trăng.	Con người mở rộng tâm hồn để đón nhận vẻ đẹp của đêm rằm Con người lo cho vận nước=> Sự ung dung lạc quan, tràn đầy niềm tin phơi phới.

Câu 4 /193

Những câu đúng:

a. Tùy bút không có cốt truyện và có thể không có nhân vật.

b. Tùy bút sử dụng nhiều phương thức (tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, lập luận) nhưng biểu cảm là phương thức chủ yếu.

c. Tùy bút có những yếu tố gần với tự sự nhưng chủ yếu thuộc loại trữ tình.

=> Đây cũng là ba đặc điểm cơ bản của thể loại tùy bút.

****

Tiết 60: **ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

*** Ôn tập kiến thức.**

Câu 1/183. **Từ phức:**

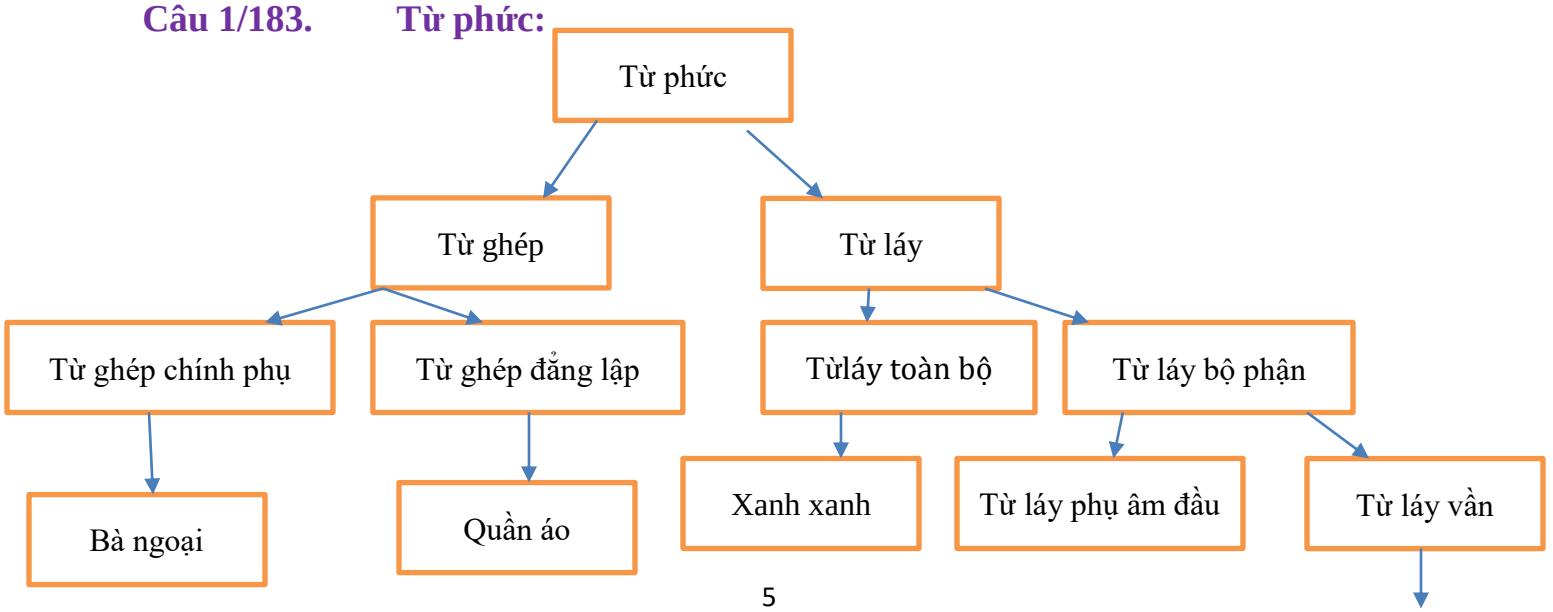

Đại từ

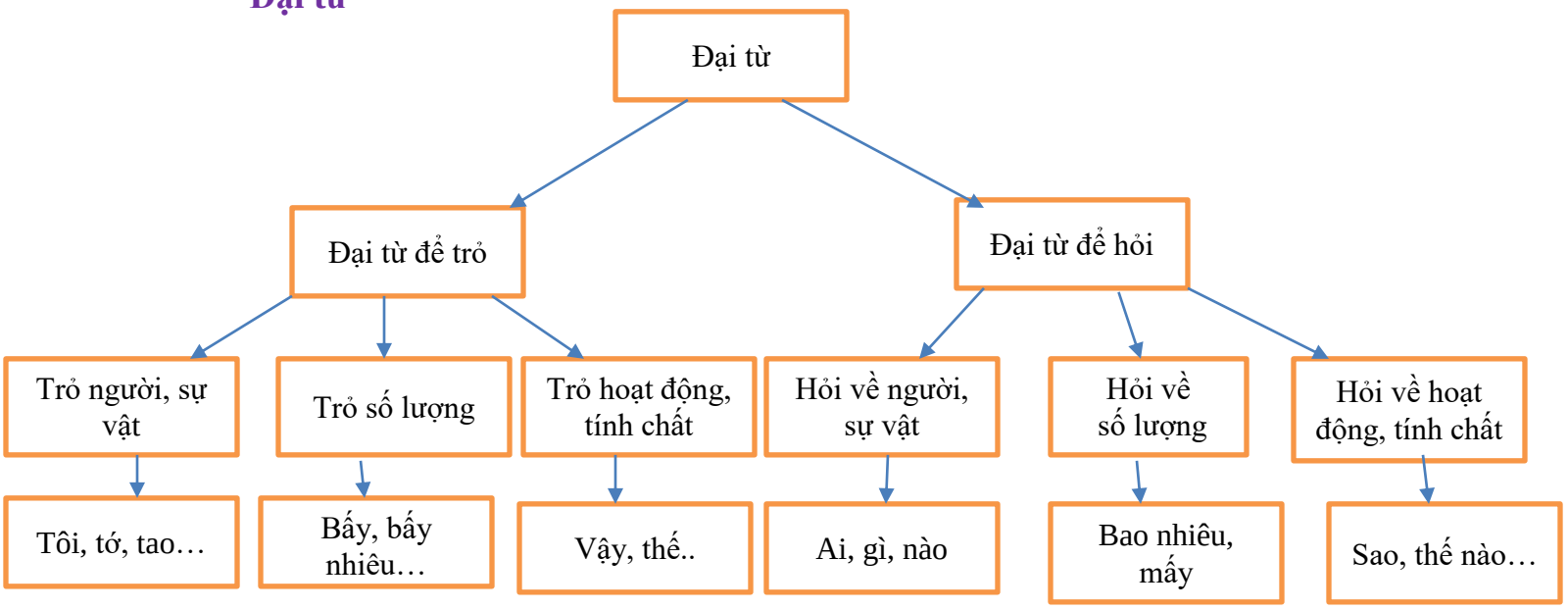

Câu 2/184. Từ loại

Từ loại	***Quan hệ từ***	***Danh từ***	***Động từ***	***Tính từ***
Ý nghĩa	- Biểu thị các quan hệ như: sở hữu, so sánh, nhân quả giữa các bộ phận của câu	- Biểu thị người, sự vật, hiện tượng khái niệm	- Chỉ hành động, trạng thái của sự vật	- Biểu thị đặc điểm, tính chất của sự vật, hđộng, trạng thái.
Chức năng	- Liên kết các từ, cụm từ, các thành phần câu, các câu, các đoạn trong một văn bản.	- Làm chủ ngữ trong câu - Làm VN	- Vị ngữ - Chủ ngữ (khi làm CN mất khả năng kết hợp với: *đã, đang, sẽ...)*	- Vị ngữ - Chủ ngữ

Câu 3/184. Giải nghĩa các yếu tố Hán Việt:

Từ Hán Việt	**Nghĩa**

bạch (bạch cầu)	trắng
bán (bức tượng bán thân)	nửa, một nửa
cô (cô độc)	lẻ loi,một mình
cư (cư trú)	ở
cửu (cửu chương)	chín
dạ (dạ hương, dạ hội)	đêm
đại (đại lộ, đại thắng)	lớn
điền(điền chủ, công điền)	đất
hà (sơn hà)	sông
hậu (hậu vệ)	sau
hồi (hồi hương, thu hồi)	trở về
hữu (hữu ích)	có
lực (nhân lực)	sức
mộc (thảo mộc, mộc nhĩ)	Cây, cây cỏ
nguyệt (nguyệt thực)	trăng
nhật (nhật kí)	ngày
quốc (quốc ca)	nước
tam (tam giác)	ba
tâm (yên tâm)	lòng
thảo (thảo nguyên)	cỏ
thiên (thiên niên kỉ)	nghìn
thiết (thiết giáp)	sắt, thép
thiếu (thiếu niên, thiếu thời)	trẻ
thôn (thôn xã, thôn nữ)	làng
thư (thư viện)	sách
tiền (tiền đạo)	trước
tiểu (tiểu đội)	nhỏ
tiếu (tiếu lâm)	cười

vấn (vấn đáp)	hỏi